

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (PGB)

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

Ngày 29/12/2023	26,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	47.6%	33.1%	30.3%

Tổng thu nhập 2023
1,393,47
triệu VNĐ
YoY: ▼118,011 -7.8%

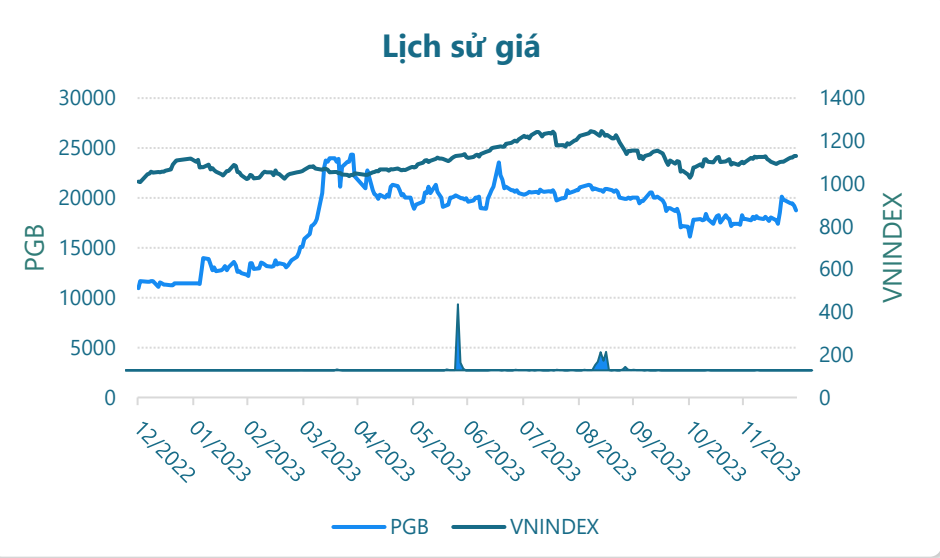
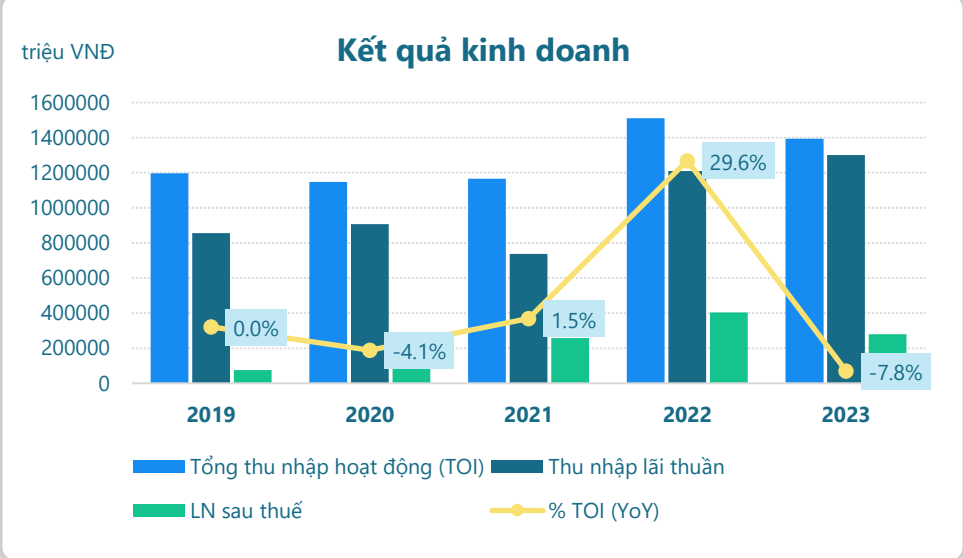
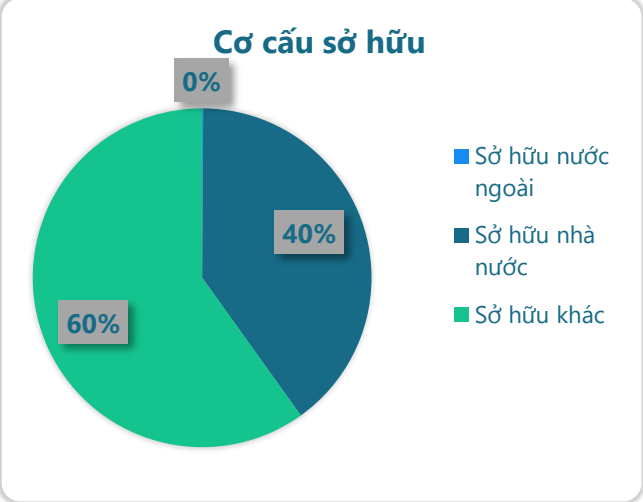
Thu nhập lãi thuần 2023
1,301,35
triệu VNĐ
YoY: ▲ 91,129 7.5%

LN sau thuế 2023
279,895
triệu VNĐ
YoY: ▼123,792 -30.7%

YOEA 2023
7.0%
YoY: +/-▲ 0.4%

NIM 2023
2.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,951 - 24,334
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,860
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,130
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.46
EPS	902
P/E	29.1

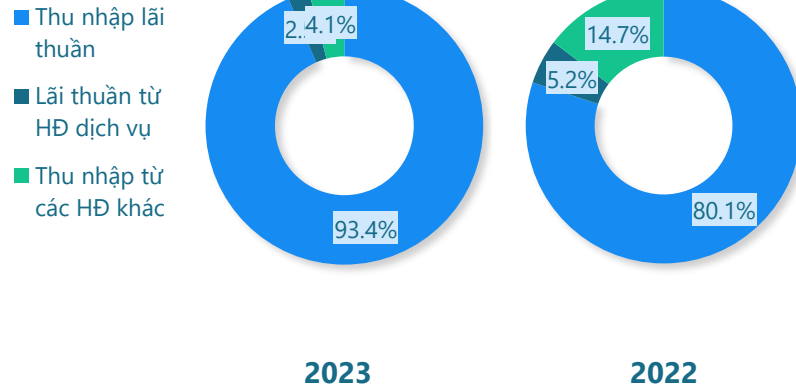


Tổng thu nhập hoạt động của **PGB** năm **2023 giảm 7.81%** so với năm trước, còn **1,393,470** tỷ đồng. Tuy nhiên, thu nhập lãi thuần **tăng trưởng 7.53%**, đạt **1,301,354** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế **sụt giảm 30.7%** so với năm trước đạt **279,895** tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 0.43%** so với năm trước đạt **7.03%**, nhưng vẫn **thấp hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.26%** ở mức **2.65%**, nhưng **thấp hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

Thu nhập thuần



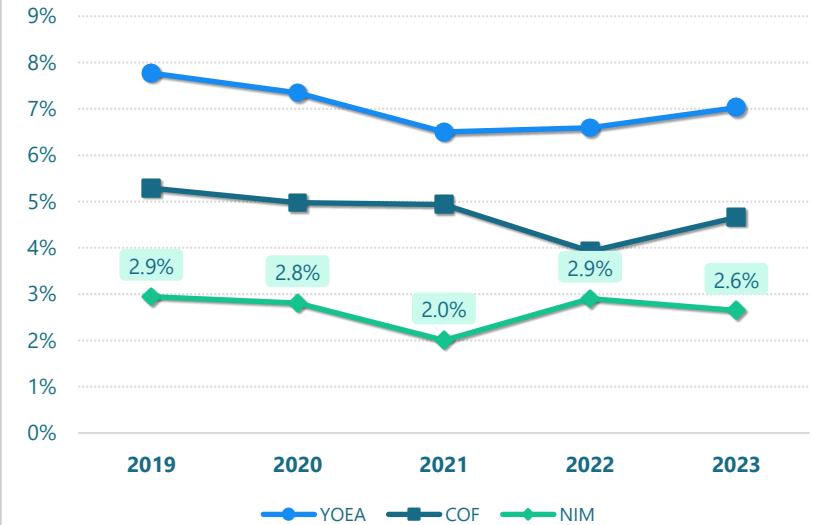
Năm **2023**, **thu nhập từ lãi thuần** của **PGB** chiếm **93.4%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **cao hơn** năm trước (**80.1%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **2.49%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **4.12%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **234,029** tỷ đồng, **giảm 9.93%** so với năm trước.

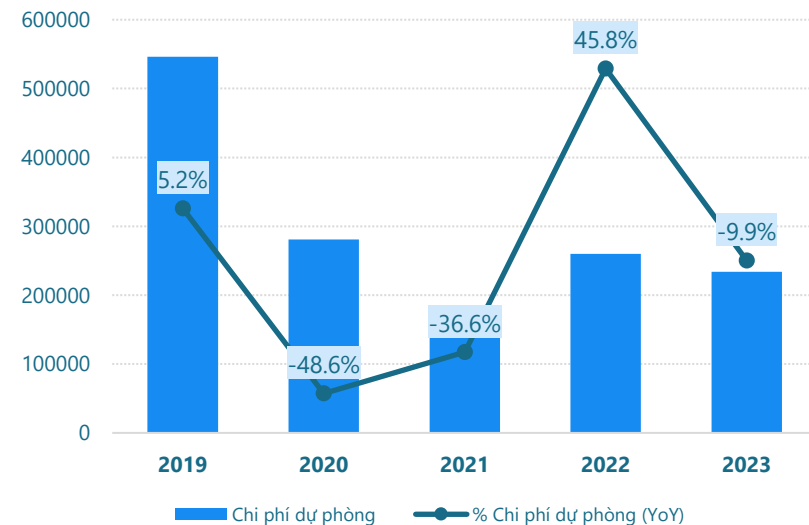
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (**COF**) là **4.66%**, **tăng thêm 0.74 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của PGB **thấp** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **0.18 đ%**, tạo ra lợi thế trong việc huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

Chi phí hoạt động của **PGB** năm **2023** là **808,209** tỷ đồng, **tăng 8.35%** so với năm trước. Bên cạnh đó Tỷ số chi phí trên thu nhập (**CIR**) bằng **58.0%** cũng **cao hơn** năm trước **8.65 đ%** cho thấy chi phí hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với thu nhập hoạt động. CIR của PGB **cao hơn** CIR trung bình ngành (**57.8%**) là **0.23 đ%**, ngân hàng cần tối ưu hóa chi phí, tăng thu nhập và quản lý rủi ro để nâng cao sức cạnh tranh.

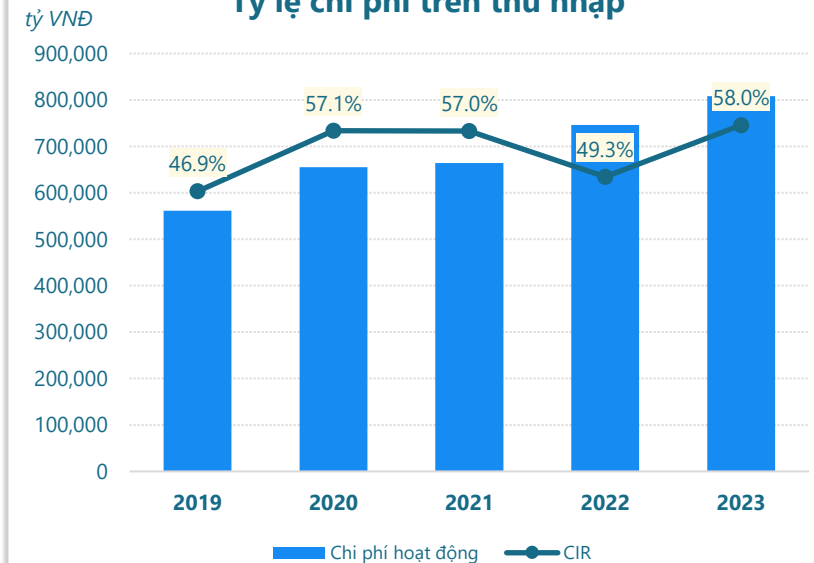
Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

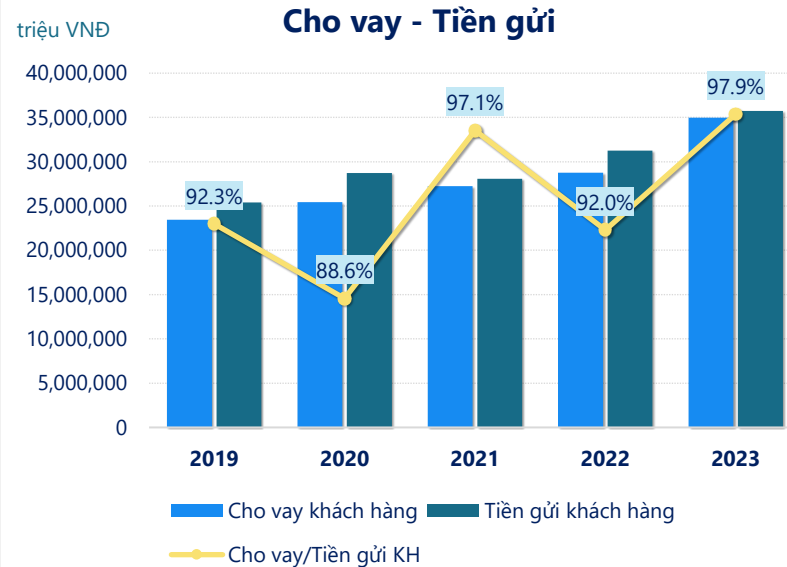


Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

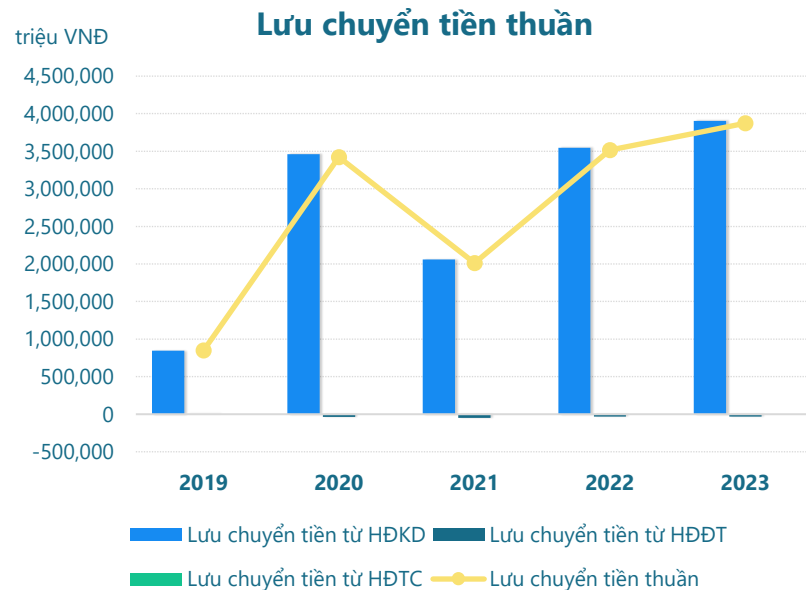


Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

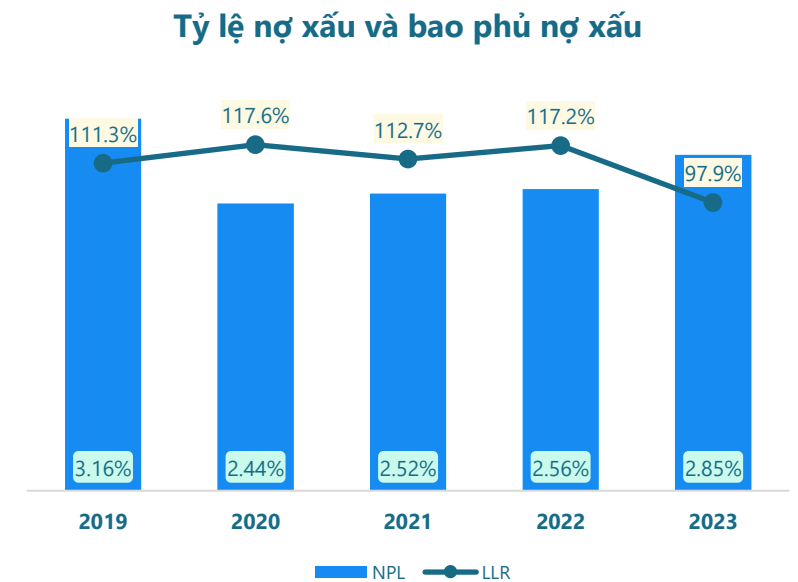
Lưu chuyển tiền thuần năm **2023** của **PGB** dương **3,872,830** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **3,902,919** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **tăng lên 2.85%** cùng với Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm xuống 97.9% so với năm trước cho thấy sự suy giảm về chất lượng tài sản và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **PGB** đạt **34,983,261** tỷ đồng, **tăng trưởng 21.6%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **35,729,811** tỷ đồng, **tăng trưởng 14.3%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** đạt **97.9%** nhưng cao hơn so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang mở rộng hoạt động cho vay tuy nhiên vẫn quản lý tốt đảm bảo thanh khoản và lợi nhuận.



Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

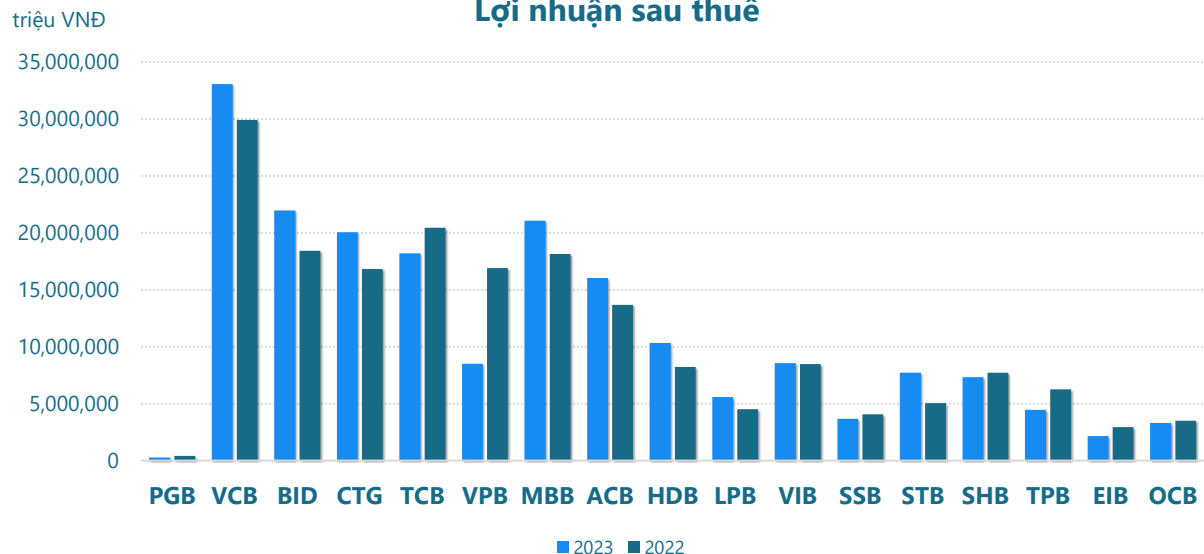
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	906,428	738,114	1,210,225	1,301,354
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	29,995	48,352	79,225	34,690
Lãi thuần từ KD ngoại hối	31,500	21,661	42,681	19,451
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	21,325	61,770	27,266	-3,454
Lãi thuần từ HĐ khác	157,547	293,467	152,040	41,297
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	1,393	2,492	44.0	132
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	1,148,189	1,165,856	1,511,481	1,393,470
Chi phí hoạt động	655,043	664,372	745,913	808,209
LN trước dự phòng	493,145	501,484	765,568	585,261
Chi phí dự phòng	280,924	178,187	259,833	234,029
LN trước thuế	212,222	323,297	505,735	351,232
Thuế	42,714	64,917	102,048	71,337
LN sau thuế	169,508	258,380	403,687	279,895
LN ròng	169,508	258,380	403,687	279,895

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3,461,652	2,059,866	3,546,159	3,902,919
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37,062	-48,590	-29,761	-30,089
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3,276,324	6,700,914	8,712,190	12,228,588
Lưu chuyển tiền thuần	3,424,590	2,011,276	3,516,398	3,872,830
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6,700,914	8,712,190	12,228,588	16,101,418

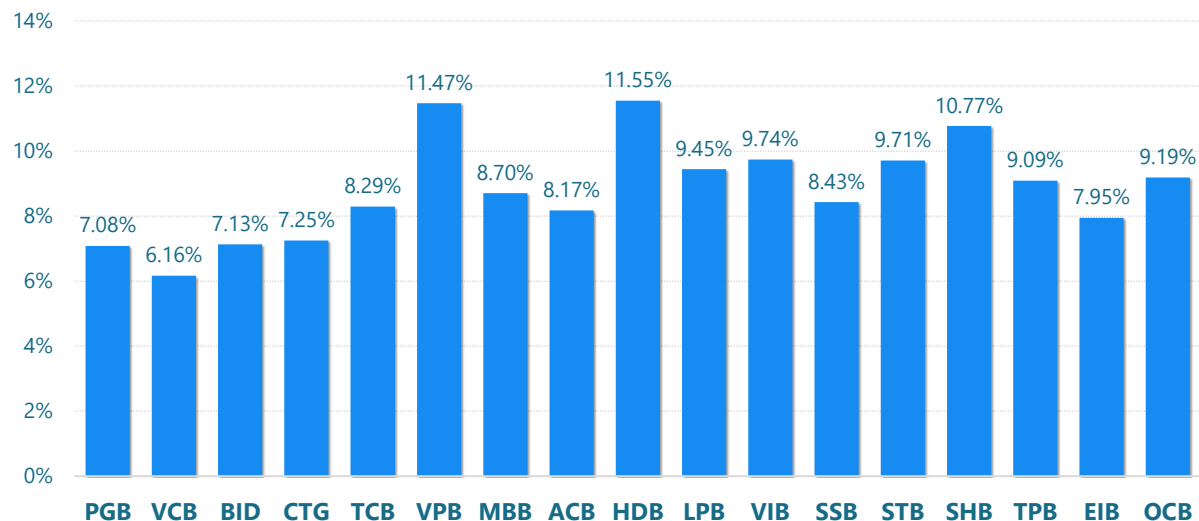
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	36,153,015	40,521,052	48,991,137	55,491,118
Tiền và TĐ tiền	221,106	185,484	332,463	229,343
Tiền gửi tại NHNN	629,889	1,031,493	855,283	1,601,718
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	5,849,919	7,495,213	11,040,842	14,270,357
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các CCPS và các TS TC khác	1,929	2,116	13,646	1,161
Cho vay khách hàng	25,448,611	27,255,742	28,767,971	34,983,261
Chứng khoán đầu tư	2,402,421	3,121,908	3,266,307	2,932,810
Góp vốn đầu tư dài hạn	488	3,124	3,200,137	23,236
Tài sản cố định	186,304	295,169	288,988	277,365
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	1,412,348	1,130,803	1,225,500	1,171,867
Tổng nợ	32,223,096	36,340,206	44,406,609	50,627,294
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	0	0
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2,842,363	7,105,498	10,940,616	13,568,062
Tiền gửi khách hàng	28,737,832	28,074,529	31,259,873	35,729,811
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	0	0	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	0	500,000	500,000	500,000
Các khoản nợ khác	642,902	660,179	1,706,120	829,421
Vốn chủ sở hữu	3,929,919	4,180,846	4,584,528	4,863,824
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

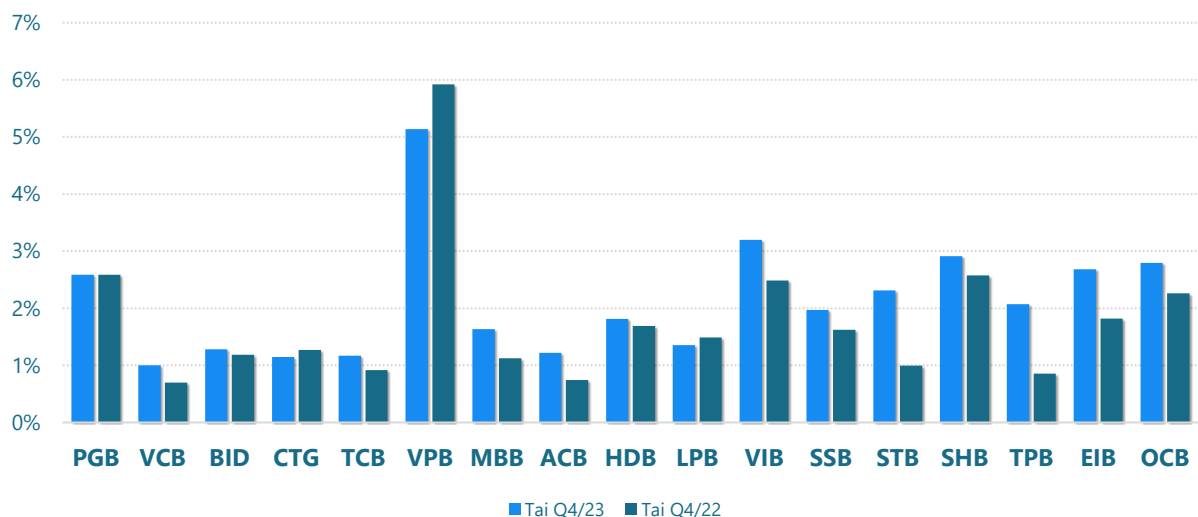
Lợi nhuận sau thuế



Tỷ suất sinh lợi của Tài sản sinh lãi (YOEА)



Tỷ lệ nợ xấu



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **PGB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **279,895** tỷ đồng (**giảm đi 30.7%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEА**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **PGB** đạt mức tỷ suất là **7.08%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **PGB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **2.59%**, xếp thứ 4 trong nhóm mã trên.